TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L T M A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z.

2. Bị đơn: Ông M V Đ, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà L T M Acó đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019, bản tự khai và biên bản hòa giải có lời khai:

Bà và ông M V Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Trước khi kết hôn, hai bên có thời gian tìm hiểu nhau. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được tới năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách cả hai quá khác biệt nên vợ chồng hay cãi nhau, từ đó cuộc sống hôn nhân không còn cảm thấy hạnh phúc. Đến năm 2016, chúng tôi bắt đầu sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà yêu cầu được ly hôn giải quyết ly hôn với ông Đvì không còn tình cảm.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên M L M A, sinh ngày 02/9/2012 và M L T K, sinh ngày: 03/11/2015. Nếu Tòa cho ly hôn, bà đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông M V Đ vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L T M Ađược ly hôn ông M V Đ.

- Về con chung: Bà Avà ông Đ có 02 con chung tên M L M A, sinh ngày 02/9/2012 và M L T K, sinh ngày: 03/11/2015. Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho Bà Atrực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Akhông yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Nội dung mà hai bên đã thống nhất được với nhau: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L T M A xin ly hôn ông M V Đ, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông M V Đ hiện đang cư trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh cư trú, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng. Do đó, Viện Kiểm sát

nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông M V Đ tại nơi ông Đ cư trú nhưng ông Đ từ chối nhận. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc từ chối nhận có xác nhận của đại diện tổ dân phố và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông M V Đtại địa chỉ: nhà số 13/6, Đường số 3, Khu phố 1, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 28/5/2019, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 208/2019/TB-TLVA ngày 24/5/2019 và giấy triệu tập đương sự ngày 24/5/2019, triệu tập ông M V Đđến Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 13/6/2019 để trình bày lời khai;

- Lần 2: Vào ngày 13/6/2019, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 208/TB-TA ngày 13/6/2019 và giấy triệu tập đương sự ngày 13/6/2019, yêu cầu ông Đ đến Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lúc 14 giờ 00 phút ngày 01/7/2019 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

- Lần 3: Vào ngày 01/7/2019, niêm yết kết quả phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 209/TB-TA ngày 01/7/2019, giấy triệu tập đương sự ngày 01/7/2019, yêu cầu ông Đ đến Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lúc 08 giờ 30 phút ngày 19/7/2019 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

- Lần 4: Vào ngày 25/7/2019, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 25/7/2019 và giấy triệu tập đương sự ngày 25/7/2019, yêu cầu ông Đ có mặt tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/8/2019 để nghe xét xử vụ án;

- Lần 5: Vào ngày 13/8/2019, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 và giấy triệu tập đương sự ngày 13/8/2019, yêu cầu ông Đ có mặt tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 29/8/2019 để nghe xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông M V Đvẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L T M A và ông M V Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 02/2012 ngày 22/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của Bà Avà ông Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Phía Bà A xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, mục đích hôn nhân vì vậy cũng không đạt được, bà và ông Đ có nhiều khác biệt trong quan điểm sống. Do đó, Bà A giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành triệu tập các bên đến Tòa hòa giải để hai bên suy nghĩ, nhìn nhận lại tình cảm vợ chồng, bỏ qua mọi lỗi lầm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung nhưng phía ông Đ vẫn vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ, ông Đ không còn thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L T M Avà ông M V Đlà trầm trọng, cả hai không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông M V Đcủa bà Lê Thị Mỹ Anh.

- Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của Bà Avà tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định Bà Avà ông Đ có 02 (hai) con chung tên M L M A, sinh ngày 02/9/2012 và M L T K, sinh ngày 03/11/2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Trẻ An có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ, còn trẻ Kim hiện nay còn rất nhỏ, cả hai đều là bé gái và đang ở trực tiếp với bà Anh. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ A và trẻ K, Hội đồng xét xử giao con chung tên M L M A, sinh ngày 02/9/2012 và M L T K, sinh ngày 03/11/2015 cho bà L T M Atrực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 về phần con chung là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Akhông yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L T M Akhông yêu cầu ông M V Đcấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Bà Akhông yêu cầu Tòa án giải quyết, phía ông Đ không có ý kiến đối với phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà L T M A phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà Ađã nộp là

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0016340 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí minh. Bà Ađã nộp đủ án phí. Ông Đ không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L T M A:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L T M A được ly hôn ông M V Đ(Giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 02/2012 ngày 22/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang).

- Về con chung: Giao các con chung tên M L M A, sinh ngày 02/9/2012 và M L T K, sinh ngày 03/11/2015 cho bà L T M Atrực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L T M Akhông yêu cầu ông M V Đ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành trực tiếp hoặc tại cơ quan có thẩm quyền về Thi hành án dân sự.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà L T M A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà Ađã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0016340 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Ađã nộp đủ án phí. Ông Đ không phải nộp án phí sơ thẩm.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà L T M A và ông M V Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Hoài